TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/**2019/DS-ST
Ngày: 10/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2/ Ông Đặng Hoàng Mích

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST–DS, ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXX-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Ông Phạm Cao T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Bà Lê Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh Bến Tre

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 và những lời khai tiếp theo, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Cao T trình bày:*

Ngày 10/7/2014, bà Lê Thị T có ký hợp đồng vay tiền với ông số tiền là 200.000.000đ. Thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 10/7/2014, không có lãi suất.

Bà T đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 177999 do UBND huyện B cấp ngày 19/01/2011, thửa số 99, tờ bản đồ số 31, diện tích 7.277m^2. Địa chỉ thửa đất: xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre. Nhưng đến nay thì bà T vẫn chưa trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông số tiền là 200.000.000đ.

Tại phiên tòa, ông T trình bày: Hợp đồng vay giữa ông với bà T là có lãi suất là 3%, tuy nhiên bà T chỉ đưa được có 3 hay 4 tháng gì đó, sau đó thì không có đưa lãi nữa. Vào ngày 30/3/2019, bà T có trả cho ông được 500.000đ, nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền còn lại là 199.500.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

** Theo Biên làm việc ngày 03/4/2019 bà Lê Thị T trình bày:*

Vào ngày 10/7/2014 tôi có vay của ông Phạm Cao T số tiền 200.000.000đ với lãi suất có 3%/tháng. Đóng được khoảng 5 tháng thì tôi không đóng nữa do hoàn cảnh khó khăn. Đến ngày 30/3/2019 tôi có trả cho ông T được 500.000đ, còn nợ lại 199.500.000đ. Sau đó, giữa tôi và ông T có thỏa thuận mỗi tháng, tôi sẽ trả cho ông T 500.000đ, nếu khi nào có số tiền lớn hơn thì sẽ trả thêm. Đối với số lãi đã đóng thì tôi không có ý kiến gì, còn về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sau khi tôi hoàn tất số tiền ông T phải trả lại tôi.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: bà vay tiền của ông T, không phải dành cho bà mà là vay dùm cho người em, nhưng bà đã ký tên thì bà đồng ý chịu trách nhiệm trả cho ông T. Tuy nhiên, hiện nay bà còn có nghĩa vụ trả tiền cho những người khác do đang phải thi hành hai bản án trước đây của Tòa án huyện Bình Đại. Đối với phần đất này, nếu có kê biên thì hành án thì phải chia cho cả những người kia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị T có vay ông Phạm Cao T số tiền 200.000.000đ và hai bên có làm hợp đồng vay tiền. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo hồ sơ thể hiện, việc vay mượn giữa ông T và bà T được lập thành văn bản, cụ thể là "*Hợp đồng vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất*" ngày 10/7/2014, phía bị đơn bà T cũng thừa nhận, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Thời hạn vay theo Hợp đồng vay là 24 tháng kể từ ngày 10/7/2014, bà T đã nhận vẫn chưa hoàn trả cho ông T là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, hai bên thừa nhận ngày 30/3/2019, bà T có trả cho ông T được 500.000đ, vì vậy nay ông T khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền còn lại là 199.500.000đ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T không yêu cầu tính lãi số tiền trên nên không xét đến.

[2] Về lãi suất của hợp đồng vay: Tại phiên tòa, hai bên thừa nhận cho vay có lãi suất 3%, bà T đã đóng được 5 tháng tiền lãi. Tuy nhiên, bà T cũng không có yêu cầu xem xét số tiền lãi đã đóng nên không xét đến.

[3] Về việc thế chấp quyền sử dụng đất: ông T và bà T thừa nhận, sau khi hai bên lập Hợp đồng và giao tiền cho bà T, thì bà T có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T để làm tin, các bên không có tiến hành đăng ký giao dịch bảo đảm. Trong vụ án này, do nguyên đơn không có yêu cầu gì liên quan đến đất nên Hội đồng xét xử không xét đến Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa hai bên. Phía bà T có ý kiến, sau khi trả xong số tiền vay cho ông T thì yêu cầu ông T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, ông T đồng ý với yêu cầu của bà T nên được ghi nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà T mỗi tháng xin được trả dần là 500.000đ, trường hợp có phát mãi kê biên phần đất này thì phải trả cho những người khác mà bà T đang có nghĩa vụ thi hành án. Xét thấy, việc trả dần hay trả như thế nào là giai đoạn thi hành án thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà T phải chịu 5% án phí có giá ngạch là: 199.500.000đ x 5% = 9.975.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 473, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Cao T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị T.

2. Buộc bà Lê Thị T trả cho ông Phạm Cao T số tiền 199.500.000đ (Một trăm chín mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Ông Phạm Cao T không yêu cầu tính lãi suất số tiền trên nên không xét đến.

Kể từ ngày có bản án có hiệu lực pháp luật và ông Phạm Cao T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị T không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà Lê Thị T còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Buộc ông Phạm Cao T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 177999 cấp ngày 19 tháng 01 năm 2011 cho bà Lê Thị T sau khi bà T đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Lê Thị T phải chịu số tiền án phí là 9.975.000đ (chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho ông Phạm Cao T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0021195 ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu